TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG

KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

MÃ NGÀNH: 78 102 01

Thành phố Hồ Chí Minh, …/2021

MỤC LỤC

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 1
1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo 1
1.2. Thông tin chung 1
1.3. Triết lý giáo dục của trường Đại học quốc tế Hồng Bàng 2
1.4. Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Kinh tế-Quản lý-Luật 4
-Tầm nhìn 5
-Sứ mạng 5
1.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs) 5
Mục tiêu chung 5
Mục tiêu cụ thể 5
1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) 5
1.6.2. Ma trận kiểm tra mức độ đáp ứng của các CĐR CTĐT với Khung trình độ Quốc gia (VQF) 7
1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học 8
1.8. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp 8
1.8.1 Tiêu chí tuyển sinh 9
1.8.2. Quá trình đào tạo 9
1.8.3. Điều kiện tốt nghiệp 9
1.9. Chiến lược giảng dạy – học tập 10
1.9.1. Chiến lược dạy học trực tiếp 10
1.9.2. Chiến lược dạy học gián tiếp 10
1.9.3. Học trải nghiệm 11
1.9.4. Dạy học tương tác 11
1.9.5. Tự học 12
1.10. Chiến lược và phương pháp đánh giá 13
1.10.1. Các phương pháp đánh giá 13
1.10.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics) 16
1.11. Hệ thống tính điểm 1
2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY 1
2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy 1
2.2. Danh sách các học phần 2
2.3. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và CĐR của CTĐT 1
2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy 3
2.5. Kế hoạch giảng dạy 5
2.6. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN 7
3. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 7

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) xây dựng dựa trên Quy chế đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 về việc xác thực hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT);

CTĐT theo Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo Quyết định số 435/2015/QĐ-ĐHB ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

Chương trình này đảm bảo tính liên thông với chương trình đào tạo Cử nhân tiên tiến ngành Quản trị Khách sạn ở một số trường Đại học có uy tín trên thế giới như Úc, Thụy sĩ,…. Do vậy, sau khi học xong chương trình này, người học có thể tiếp tục học Cao học chuyên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch & lữ hành ở các cơ sở đào tạo khác trong và ngoài nước cũng như cao học ngành Quản trị Kinh doanh ở Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

Với nguồn nhân lực chuyên nghiệp, trình độ cao được đào tạo từ những trường Đại học và Học viện danh tiếng trong và ngoài nước về lĩnh vực Quản trị kinh doanh khách sạn, cộng với điều kiện cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, nghiên cứu hiện đại và đồng bộ. Khoa Kinh tế - Quản trị hướng tới mục tiêu trở thành đơn vị đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đóng góp vào sự phát triển của lĩnh vực kinh tế trên cả nước và khu vực Đông Nam Á.

1.2. Thông tin chung

Các thông tin chung về CTĐT được cho ở Bảng 1.1.

Bảng 1.1 Thông tin chung về CTĐT

1.	Tên gọi	Quản trị Khách sạn
2.	Bậc	Đại học
3.	Loại bằng	Cử nhân
4.	Loại hình đào tạo	Toàn thời gian
5.	Thời gian	04 năm
6.	Số tín chỉ	120 TC
7.	Khoa quản lý	Khoa Kinh tế - Quản trị
8.	Ngôn ngữ	Tiếng Việt
9.	Website	www.hiu.vn

10.	Facebook	https://www.facebook.com/groups/725657321217169
11.	Ban hành	2021

1.3. Triết lý giáo dục của trường Đại học quốc tế Hồng Bàng

Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng đã áp dụng theo triết lý giáo dục của Tập đoàn Nguyễn Hoàng để xây dựng thế hệ sinh viên đủ 5H như sau:

- Heart - Có trái tim biết yêu thương, thiết lập mối tương quan đúng đắn với thế giới.
- Head - Có trí tuệ, trau dồi, tri thức.
- Hand - Biết làm việc, hướng nghiệp.
- Health- Rèn luyện, thể chất, sức khỏe tốt.
- Human - Con người toàn diện về Tâm-Trí-Lực

Triết lý giáo dục đó của trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng được chuyển tải một cách cụ thể vào CTĐT ngành Quản trị Khách sạn như minh họa ở Bảng 1.2

Bảng 1.2 Triết lý giáo dục của trường Đại học quốc tế Hồng Bàng được chuyển tải vào CTĐT ngành Quản trị Khách sạn

	Chương trình đào tạo ngành Quản trị Khách sạn	**Triết lý giáo dục của HIU**				
		Heart	**Head**	**Hand**	**Health**	**Human**
Kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	x	x		X	x
	Khối kiến thức cơ sở ngành	**x**	X			x
	Khối kiến thức chuyên ngành	X	X	X	X	X
	Thực tập tốt nghiệp	X	X	X	X	X
Hoạt động ngoại khóa	Nghiên cứu khoa học sinh viên	x	X	x		x
	Thi thiết kế mô hình, ý tưởng	x	x	X		x
	Sinh viên tình nguyện (mùa hè xanh)	X		X	x	X
	Hiến máu nhân đạo	X			x	X
	Hoạt động vì người nghèo, chịu thiên tai (bão, lụt)	X			x	X

	Chương trình đào tạo ngành		Triết lý giáo dục của HIU				
Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)		**Quản trị Khách sạn**					
	PLO1	Vận dụng tư tưởng Triết học Mác-Lê nin làm nền tảng kết hợp với kiến thức về Chính trị – Xã hội – Văn hóa – An ninh quốc phòng – Pháp luật để hình thành nhân sinh quan tích cực trong cuộc sống và công việc.	x	x	x		x
	PLO2	Vận dụng các kiến thức cơ bản về Kinh tế học – Quản trị – Tài chính – Marketing – Chiến lược – Nhân sự vào trong môi trường công việc thông qua các quyết định quản trị để xây dựng hình ảnh một nhà quản trị có hiệu quả.	x	x	x		x
	PLO3	Vận dụng những kiến thức về nghiệp vụ khách sạn, nhà hàng và ẩm thực vào công việc chuyên môn.	x	x	x		x
	PLO4	Vận dụng những kiến thức về kinh tế ngành đặc thù, ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ vào công tác quản trị khách sạn nhằm theo đuổi các mục tiêu kinh doanh.	x	x	x		x
	PLO5	Vận dụng và sáng tạo trong vận hành và quản lý bếp nóng, bếp lạnh & bánh để đảm bảo tính liên tục cung cấp sản phẩm và dịch vụ phục vụ cho kinh doanh và chuyển giao cho khách hàng những trải nghiệm thú vị về chất lượng sản phẩm được cung cấp.	x	x	x		x
	PLO6	Nhuần nhuyễn sử dụng các kỹ năng về pha chế các loại thức uống có cồn, không cồn và không ngừng sáng tạo các sản phẩm mới.	x	x	x	x	x

	Chương trình đào tạo ngành		Triết lý giáo dục của HIU				
Quản trị Khách sạn	PLO7	Xây dựng qui trình kiểm soát chi phí và tổ chức vận hành và quản lý hiệu quả bộ phận F&B nhằm đảm bảo các chỉ số chi phí, doanh thu và lợi nhuận.	x	x	x	x	x
	PLO8	Sử dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nghiệp vụ lưu trú để luôn đảm bảo hình ảnh "bộ mặt" và "trái tim" của khách sạn qua đó luôn mang đến cảm giác thoải mái, sự ấn tượng và sự hài lòng khi được cung cấp và phục vụ cho khách trong suốt thời gian lưu trú trong khách sạn.	x	x	x	x	x
	PLO9	Sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong giao tiếp và trong quan hệ đối ngoại quốc tế để thấu hiểu, hội nhập các giá trị khác biệt văn hóa, tập quán trên cơ sở gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, hòa bình hữu nghị.	x	x		x	x
	PLO10	Ứng dụng sáng tạo các kỹ năng tổ chức quản lý vận hành, tư duy phản biện nhằm tìm ra những giải pháp tối ưu để giải quyết hiệu quả và triệt để các vấn đề phát sinh trong công việc quản lý và điều hành một cơ sở kinh doanh trong môi trường làm việc năng động của du lịch.	x	x			x
	PLO11	Hình thành thái độ tích cực trong công việc, cuộc sống; xây dựng năng lực học tập suốt đời để hoàn thiện bản thân và hướng đến việc đóng góp, ủng hộ và khuyến khích mọi người tham gia vào việc tạo ra các giá trị/lợi ích cho cộng đồng và xã hội.	x	x	x	x	x

1.4. Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Kinh tế-Quản lý-Luật

-Tầm nhìn

Đến năm 2030, Khoa Kinh tế-Quản lý-Luật trở thành một trong những khoa lớn của trường Đại học quốc tế Hồng Bàng, có đội ngũ quản lý; giảng viên và nhân viên được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp về kiến thức, kỹ năng và thái độ làm việc phù hợp với môi trường giáo dục đại học chuẩn quốc tế, trở thành một địa chỉ đào tạo và nghiên cứu khoa học uy tín thu hút người học trong nước và ngoài nước, đặc biệt là các nước trong Khu vực.

-Sứ mạng

Giáo dục và đào tạo các nhà quản lý tương lai với đầy đủ ***kiến thức, kỹ năng, thái độ*** để xử lý những vấn đề kinh tế và quản lý đáp ứng yêu cầu hội nhập vào khu vực và thế giới, đồng thời gắn kết với thực tiễn, phục vụ và phát triển cộng đồng.

1.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ Cử nhân Quản trị Khách sạn, có phẩm chất đạo đức, có ý thức phục vụ, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khoẻ tốt nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, thích nghi nhanh chóng với môi trường làm việc năng động và có khả năng hội nhập khu vực cũng như quốc tế.

Mục tiêu cụ thể

Cử nhân ngành Quản trị Khách sạn phải có:

Kiến thức:

PO1: Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

PO2: Có kiến thức về cơ sở về kinh tế, quản trị và nghiệp vụ chuyên ngành khách sạn.

Kỹ năng:

PO3: Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giám sát, quản lý, điều hành các nghiệp vụ cơ bản trong khách sạn.

PO4: Có các kỹ năng mềm để có thể hội nhập quốc tế, ứng xử, giải quyết các tình huống trong công việc và cuộc sống.

Thái độ, mức độ tự chủ và trách nhiệm:

PO5: Có trách nhiệm với nghề nghiệp; có ý thức phục vụ cộng đồng, góp phần phát triển du lịch bền vững; có khả năng tự học và nâng cao trình độ.

1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Quản trị Khách sạn phải đạt được các yêu cầu tối thiểu sau đây:

❖ **Kiến thức**

PLO1: Vận dụng tư tưởng Triết học Mác-Lê nin làm nền tảng kết hợp với kiến thức về Chính trị – Xã hội – Văn hóa – An ninh quốc phòng – Pháp luật để hình thành nhân sinh quan tích cực trong cuộc sống và công việc.

PLO2: Vận dụng các kiến thức cơ bản về Kinh tế học – Quản trị – Tài chính – Marketing – Chiến lược – Nhân sự vào trong môi trường công việc thông qua các quyết định quản trị để xây dựng hình ảnh một nhà quản trị có hiệu quả.

PLO3: Vận dụng những kiến thức về nghiệp vụ khách sạn, nhà hàng và ẩm thực vào công việc chuyên môn.

PLO4: Vận dụng những kiến thức về kinh tế ngành đặc thù, ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ vào công tác quản trị khách sạn nhằm theo đuổi các mục tiêu kinh doanh.

❖ **Kỹ năng**

PLO5: Vận dụng và sáng tạo trong vận hành và quản lý bếp nóng, bếp lạnh & bánh để đảm bảo tính liên tục cung cấp sản phẩm và dịch vụ phục vụ cho kinh doanh và chuyển giao cho khách hàng những trải nghiệm thú vị về chất lượng sản phẩm được cung cấp.

PLO6. Nhuần nhuyễn sử dụng các kỹ năng về pha chế các loại thức uống có cồn, không cồn và không ngừng sáng tạo các sản phẩm mới.

PLO7. Xây dựng qui trình kiểm soát chi phí và tổ chức vận hành và quản lý hiệu quả bộ phận F&B nhằm đảm bảo các chỉ số chi phí, doanh thu và lợi nhuận.

PLO8. Sử dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nghiệp vụ lưu trú để luôn đảm bảo hình ảnh "bộ mặt" và "trái tim" của khách sạn qua đó luôn mang đến cảm giác thoải mái, sự ấn tượng và sự hài lòng khi được cung cấp và phục vụ cho khách trong suốt thời gian lưu trú trong khách sạn.

PLO9. Sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong giao tiếp và trong quan hệ đối ngoại quốc tế để thấu hiểu, hội nhập các giá trị khác biệt văn hóa, tập quán trên cơ sở gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, hòa bình hữu nghị.

PLO10. Ứng dụng sáng tạo các kỹ năng tổ chức quản lý vận hành, tư duy phản biện nhằm tìm ra những giải pháp tối ưu để giải quyết hiệu quả và triệt để các vấn đề phát sinh trong công việc quản lý và điều hành một cơ sở kinh doanh trong môi trường làm việc năng động của du lịch.

❖ **Thái độ, mức tự chủ và trách nhiệm**

PLO11. Hình thành thái độ tích cực trong công việc, cuộc sống; xây dựng năng lực học tập suốt đời để hoàn thiện bản thân và hướng đến việc đóng góp, ủng hộ và khuyến khích mọi người tham gia vào việc tạo ra các giá trị/lợi ích cho cộng đồng và xã hội.

1.6.1. *Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT*

Bảng 1.3. có thể thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Bảng 1.3 Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)										
	1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**
PO1	x	x									x
PO2	x	x	x	x						x	x
PO3	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PO4					x	x	x	x	x	x	
PO5	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

1.6.2. *Ma trận kiểm tra mức độ đáp ứng của các CĐR CTĐT với Khung trình độ Quốc gia (VQF)*

Khung trình độ quốc gia

1. Về kiến thức

1.1. Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.

1.2. Kiến thức cơ bản về hoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.

1.3. Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

1.4. Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.

1.5. Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.

2.2. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

2.3. Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoạt thay đổi.

2.4. Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

2.5. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.

2.6. Có năng lực ngoại ngữ 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

3.1. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

3.2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

3.3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

3.4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

Bảng 1.4. Sự tương thích giữa mục tiêu và Khung trình độ Quốc gia (bậc Đại học)

TT	1.Kiến thức					2.Kỹ năng						3.Mức TC&TN			
	1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	3.4
PLO1	x	x	x												
PLO2	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x					
PLO3	x	x	x	x	x										
PLO4	x	x	x	x	x	x		x		x	x	x		x	
PLO5	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO6	x	x		x	x	x	x	x	x	x					
PLO7	x	x		x	x	x	x	x	x	x					
PLO8	x	x	x			x	x	x	x	x	x		x		
PLO9	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO10											x	x	x		
PLO11												x	x	x	x

1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học

Sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT ngành Quản trị Khách sạn có thể làm các công việc:

1) Làm việc trong môi trường kinh doanh toàn cầu với sự cạnh tranh cao.

2) Chuyên viên phân tích, dự báo, tư vấn chính sách hoặc chuyên gia cao cấp trong kinh doanh du lịch và khách sạn.
3) Chuyên viên hoạch định, khai thác và sử dụng nguồn nhân lực trong tổ chức, phân tích, thẩm định và đề xuất các phương án đầu tư kinh doanh, phát triển thị trường, chăm sóc khách hàng và xây dựng thương hiệu sản phẩm du lịch và khách sạn.
4) Chuyên gia phân tích, tư vấn, trợ lý Tổng giám đốc hoặc Hội đồng quản trị thuộc các loại hình doanh nghiệp hoạt động trong môi trường toàn cầu.
5) Chủ doanh nghiệp du lịch, khách sạn có trí tuệ và bản lĩnh kinh doanh, tự lập thân, lập nghiệp.
6) Giảng viên có học vị cao tại các trường đại học.
7) Chuyên viên nghiên cứu, tư vấn, phân tích, hoạch định chính sách, xây dựng và phát triển các ý tưởng sáng tạo, mô hình kinh doanh mới trong lĩnh vực du lịch khách sạn, kinh doanh cho mọi tổ chức thuộc chính phủ, phi chính phủ và các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế.

1.8. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.8.1 Tiêu chí tuyển sinh

CTĐT ngành Quản trị Khách sạn chấp nhận các ứng viên đảm bảo những điều kiện sau:

1) Tốt nghiệp trung học phổ thông;
2) Dự thi 3 môn theo tổ hợp môn xét tuyển trong ngành dự thi và có nguyện vọng vào ngành Quản trị khách sạn.
3) Có điểm thi quốc gia cao hơn hoặc bằng điểm trúng tuyển của trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng, xét học bạ ba năm chương trình THPT, kết quả kì thi SAT của trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

1.8.2. Quá trình đào tạo

CTĐT được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ. Quá trình đào tạo tuân theo quy định của Bộ GD&ĐT và trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng. Thời gian đào tạo trong 04 năm. Mỗi năm học gồm hai học kỳ chính (từ giữa tháng Tám đến cuối tháng Sáu) và học kỳ hè (từ đầu tháng Bảy đến giữa tháng Tám).

Trong 2 năm đầu tiên, sinh viên học các kiến thức cơ bản và cơ sở ngành, các kiến thức chuyên ngành được học trong 02 năm tiếp theo.

1.8.3. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên muốn tốt nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:

1) Tích lũy đủ số tín chỉ và số môn học của CTĐT;

2) Điểm trung bình chung tích lũy từ 4.00 trở lên;

3) Có chứng chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng;

4) Đạt chuẩn ngoại ngữ theo quy định của trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng;

5) Đạt chuẩn công nghệ thông tin theo quy định của trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

1.9. Chiến lược giảng dạy – học tập

Các chiến lược và phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

1.9.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được Khoa áp dụng gồm phương pháp giải thích cụ thể (Explicit Teaching), thuyết giảng (Lecture) và phương pháp tham luận (Guest Lecture).

1) Giải thích cụ thể (Explicit Teaching): Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giáo viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

2) Thuyết giảng (Lecture): Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.

3) Tham luận (Guest lecture): Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình không phải là giáo viên mà là những người đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giảng để giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.

1.9.2. Chiến lược dạy học gián tiếp

Dạy học gián tiếp là chiến lược dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giáo viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được Khoa áp dụng gồm: Câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Solving), học theo tình huống (Case Study).

4) Câu hỏi gợi mở (Inquiry): Trong tiến trình dạy học, giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

5) Giải quyết vấn đề (Problem Solving): Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua qúa trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

6) Học theo tình huống (Case Study): Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

1.9.3. Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm.

Các phương pháp dạy học được Khoa áp dụng theo chiến lược dạy học này gồm: mô hình (Models), thực tập, thực tế (Field Trip), thí nghiệm (Experiment) và nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)

7) Mô hình (Models): là phương pháp dạy học trong đó, sinh viên thông qua việc quan sát và quá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giáo viên yêu cầu để đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra.

8) Thực tập, thực tế (Field Trip): Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại công trường và các công ty để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

1.9.4. Dạy học tương tác

Đây là chiến lược dạy và học trong đó, giáo viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giáo viên với vai trò hướng dẫn sinh viên

từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giáo viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Các kỹ thuật, phương pháp được Khoa áp dụng theo chiến lược này gồm có: phương pháp tranh luận (Debate), thảo luận (Discussions), học nhóm (Pear Learning)

9) Tranh luận (Debates): là tiến trình dạy học trong đó giáo viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

10) Thảo luận (Discussion): Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

11) Học nhóm (Pear Learning): Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

1.9.5. Tự học

Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giáo viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giáo viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

Phương pháp học theo chiến lược này được Khoa áp dụng chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assigment)

12) Bài tập ở nhà (Work Assigment): Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

Các phương pháp dạy và học nói trên giúp sinh viên đạt được PLOs, thể hiện trong Bảng 1.4.

Bảng 1.4 Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp dạy-học

Chiến lược và phương pháp dạy-học	PLOs										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I. Dạy trực tiếp											

1. Giải thích cụ thể	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2. Thuyết giảng	x	x	x	x							x
3. Tham luận	x	x	x	x							x
II. Dạy gián tiếp											
4. Câu hỏi gợi mở	x	x	x	x	x	x		x	x		
5. Giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6. Học theo tình huống		x	x	x	x	x	x	x	x	x	
III. Học trải nghiệm											
7. Mô hình		x	x	x	x	x	x	x	x	x	
8. Thực tế doanh nghiệp		x	x	x	x	x	x	x	x		x
IV. Dạy học tương tác											
9. Tranh luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
10. Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
11. Học nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
V. Tự học											
12. Bài tập ở nhà	x	x	x	x	x						

1.10. Chiến lược và phương pháp đánh giá

1.10.1. Các phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được Khoa Kinh tế, Quản lý, Luật thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẽ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học, phụ huynh và nhà quản lý.Từ đó, kịp thời có những điều chỉnh về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa Kinh tế, Quản lý, Luật đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng môn học để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo của Khoa Kinh tế, Quản lý, Luật được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment).

- **Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)**

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình được Khoa áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần (Attendance Check), đánh giá bài tập (Work Assigment), và đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)

1) Đánh giá chuyên cần (Attendence Check)

Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric 1.

2) Đánh giá bài tập (Work Assigment)

Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể trong Rubric 2.

3) Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)

Trong một số môn học thuộc chương trình đào tạo của Khoa, sinh viên được yêu cầu yêu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của sinh viên có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể như Rubric 3.

- **Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)**

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, và đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được Khoa sử dụng trong loại đánh giá này gồm có: Kiểm tra viết (Written Exam), Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice Exam), Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam), Báo cáo (Written Report), Thuyết trình (Oral Presentation), đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assesment) và Đánh giá đồng cấp (Peer Assessment)

4) Kiểm tra viết (Written Exam)

Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

5) Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)

Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

6) Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)

Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được được đánh gia thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 4.

7) Báo cáo (Written Report)

Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo phương pháp này theo Rubric 5.

8) Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)

Phương pháp đánh giá này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá tiến trình theo Rubric 3. Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

9) Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)

Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo Rubric 6.

Bảng 1.5 Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và PLOs

Phương pháp đánh giá (Assessment methods)		**PLOs**										
		1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**
I	**Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)**											
1	Đánh giá chuyên cần (Attendence Check)	x				x						x

2	Đánh giá bài tập (Work Assigment)	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
4	Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
II	**Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)**											
5	Kiểm tra viết (Written Exam)	x	x	x	x					x		
6	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)	x	x	x	x					x		
7	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
8	Báo cáo (Written Report)	x	x	x		x	x	x	x	x		x
9	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)	x	x	x	x	x	x	x	x	x		

1.10.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Trên cơ sở các phương pháp đánh giá, Khoa Kinh tế, Quản lý, Luật đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể để thực hiện việc đánh giá sinh viên theo các Rubrics.

Tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng môn học để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như Rubrics đánh giá thích hợp.Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng Rubric đánh giá khác nhau cho các học phần khác nhau.

Các Rubrics đánh giá được xây dựng chi tiết tương ứng với phương pháp đánh giá trong chương trình đào tạo. Cụ thể như sau:

1) Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attemdance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.6-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%)	Đi học không chuyên cần (<50%)	Đi học khá chuyên cần (<70%)	Đi học chuyên cần (<90%)	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%)	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp.	Hiếm khi tham gia phát biểu đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan tới bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan tới bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	50%

2) Đánh giá bài tập (Work Assignment)

Rubric 2: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.6-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập	Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng bài tập được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng bài tập được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng bài tập được giao). Đúng thời gian quy định.	20%

Tiêu chí	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng
đánh giá		Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, dãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp.	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước).	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	**số**
Trình bày bài tập	Không có bài tập					30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

3) Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)

Rubric 3: Thuyết trình (Oral Presentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.6-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video và giải thích cụ thể hiểu biết trên video.	50%
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định.	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng.	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (mở bài, thân bài, kết luận).	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày.	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	25%

Tiêu chí	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng
đánh giá	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu.	Bài trình bày đầy đủ, giọng nói nhỏ, phát âm một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu, bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn, bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát, thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Thời gian trình bày đúng quy định.	**số**
Thuyết trình						25%

4) Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

5) Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice Exam): theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

6) Đánh giá bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam):

Rubric 4: Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.6-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Thái độ trả lời câu hỏi.	Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giọng nói khó nghe.	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng câu trả lời phù hợp, dễ hiểu.	Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng.	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe.	50%
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan tới câu hỏi	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên quan không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm của câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin và hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu. tự tin trong câu trả lời, lập luận giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	50%

7) Đánh giá báo cáo (Written Report)

Rubric 5: Báo cáo (Written Report)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.6-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Nội dung báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Tính toán sai, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong tính toán, một số nội dung chưa hợp lý.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình tự tính toán hợp lý, tính toán chính xác. Kết quả tính toán và chọn chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính toán chi tiết, rõ ràng , logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và chọn có phân tích , lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	50%
Trình bày thuyết minh	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đúng với nội dung theo yêu cầu	Trình tự trình bày trong thuyết minh không đúng. Nội dung phù hợp theo yêu cầu. Hình vẽ bảng biểu còn mâu thuẫn với nội dung.	Nội dung, trình tự trình bày thuyết minh phù hợp theo yêu cầu. Trình bày còn một số lỗi về chính tả, kích thước, ghi chú chưa đầy đủ.	Nội dung phù hợp, trình tự cấu trúc logic rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, ghi chú phù hợp. Thể hiện kỹ năng soạn thảo văn bản còn hạn chế.	Nội dung phù hợp, trình tự cấu trúc logic rõ ràng đáp ứng yêu cầu. HÌnh ành, bảng biểu rõ ràng, ghi chú phù hợp. Thể hiện việc sử dụng thành thạo máy tính trong trình bày báo cáo.	50%

8) Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation): theo Rubric3

9) Đánh giá làm việc nhóm (Team work Assessment)

Rubric 6: Làm việc nhóm (Team work Assessment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.6-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Tổ chức nhóm	Không có sự làm việc nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể	Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể và phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên.	40%
Tham gia làm việc nhóm (chuyên cần)	<30%	<50%	<70%	<90%	100% (tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm.	20%
Thảo luận	Không bao giờ tham gia vào việc thảo luận của nhóm.	Hiếm khi tham gia vào việc thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay.	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm.	20%
Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm.	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẽ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẽ kinh nghiệm từ các	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn tôn trọng và chia sẽ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	20%

Tiêu chí	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng
đánh giá				thành viên khác của nhóm.		**số**

1.11. Hệ thống tính điểm

Trường Đại học quốc tế Hồng Bàng sử dụng hệ thống tính điểm để đánh giá sinh viên như sau:

Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

Thang điểm chữ dùng để phân loại kết quả học dựa trên điểm học phần.

Thang điểm 4 được dùng khi tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ và cho điểm tổng kết quả học tập của sinh viên.

Table 1.8: Hệ thống thang điểm của Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

Phân loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	Từ 9.5 đến 10	A+	4.0
	Từ 8.5 đến 9.4	A	4.0
	Từ 8.0 đến 8.4	B+	3.5
	Từ 7.0 đến 7.9	B	3.0
	Từ 6.5 đến 6.9	C+	2.5
	Từ 5.5 đến 6.4	C	2.0
	Từ 5.0 đến 5.4	D+	1.5
	Từ 4.0 đến 4.9	D	1.0
Không đạt	Nhỏ hơn 4.0	F	0

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Chương trình giảng dạy được chia thành 2 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được cho trong Bảng 2.1.

Bảng 2.1 Các khối kiến thức và số tín chỉ

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
A.	**Giáo dục đại cương**	21	0
B.	**Giáo dục chuyên nghiệp**	87	12
	I. Khối kiến thức cơ sở khối ngành	9	0

	II. Khối kiến thức cơ sở ngành	10	3
	III. Khối kiến thức ngành/chuyên ngành	64	5
	IV. Khối kiến thức cuối khóa	4	4
TỔNG		**108**	**12**
		120	

Giáo dục đại cương có **21** tín chỉ gồm các học phần về chính trị, khoa học xã hội, toán – tin học – khoa học tự nhiên, ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng nhằm cung cấp đầy đủ cho sinh viên kiến thức nền tảng cơ bản và kỹ năng mềm cần thiết cho các học phần khác của ngành Quản trị Khách sạn.

Giáo dục chuyên nghiệp có **99** (87 bắt buộc và 12 tự chọn) gồm các học phần về kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và khóa luận tốt nghiệp nhằm cung cấp đầy đủ cho sinh viên kiến thức từ nền tảng đến chuyên sâu và kỹ năng thực hành từ cơ bản đến nâng cao trong các lĩnh vực về quản trị khách sạn.

Các khối kiến thức được thiết kế sao cho nội dung đáp ứng được chuẩn đầu ra của CTĐT, được thể hiện trong Bảng 2.2.

Bảng 2.2 Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỉ lệ	Chuẩn đầu ra - PLO's										
				1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**
1	**Giáo dục đại cương**	21	17.5%	x								x		x
2	**Giáo dục chuyên nghiệp**													
	2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành	9	7.5%	x	x	x							x	x
	2.2. Kiến thức cơ sở ngành	13	11%			x	x	x					x	x
	2.3. Kiến thức ngành/chuyên ngành	64	61%		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	2.4. Kiến thức cuối khoá	4	3%		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
TỔNG		120	100%											

Chú thích: Sử dụng một trong các phương án:

a. H– Cao, M – Trung bình, L – Thấp

b. Đánh dấu X

2.2. Danh sách các học phần

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			Học kỳ (dự kiến)
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
A	**Khối kiến thức giáo dục đại cương: 21 TC (Bắt buộc: 21 TC; Tự chọn: 0 TC), chiếm 17.5% số TC CTĐT**													
I	**Lý luận Mác-Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh**													
1	05068	Triết học Mác- Lê nin	3	3	0	3		45	0	90				I
2	05069	Kinh tế chính trị Mác Lê- nin	2	2	0	2		30	0	60				II
3	05070	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2		30	0	60				II
4	05071	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	2		30	0	60				III
5	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	2		30	0	60				III
II	**Pháp luật – Tin học**													
6	00042	Pháp luật đại cương	2	2		2		30	0	60				II
7	00008	Tin học đại cương	2	2		2		30	0	60				III
III	**Ngoại ngữ**													
8	GE1017	Anh văn I	3	3		3		45	0	90				I
9	GE1018	Anh văn II	3	3		3		45	0	90				II
IV	**Giáo dục thể chất**													
10	GE1020	Giáo dục thể chất (*)	3*	1	2	3*		15	60	90				II
IV	**Giáo dục quốc phòng - an ninh**													
11	02309	LT – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	5*	5*	0	5*		75		150				I
12	02310	TH – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	3*	0	3	3*			90					II
B	**Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 99 TC (Bắt buộc: 87 TC; Tự chọn: 12 TC), chiếm 82.5% số TC CTĐT**													

			Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			
I	**Khối kiến thức cơ sở khối ngành: 9 TC (Bắt buộc: 9 TC; Tự chọn: 0 TC), chiếm 7.5% số TC CTĐT**													
TT	**Mã HP**	**Tên học phần**												**Học kỳ (dự kiến)**
13	HM2002	Kinh tế du lịch	3	3	0	3		45	0	90				II
14	BA2003	Quản trị học	3	3	0	3		45	0	90				II
15	HM2004	Marketing du lịch	3	3	0	3		45	0	90				II
II	**Khối kiến thức cơ sở ngành: 13 TC (Bắt buộc: 10 TC; Tự chọn: 03 TC), chiếm 10.8% số TC CTĐT**													
16	HM3038	Đào tạo định hướng ngành kinh doanh khách sạn	2	1	1	2		15	30	60				I
17	HM2005	Tâm lý và Giao tiếp trong du lịch	3	3	0	3		45	0	90				I
18	HM2008	Đổi mới và Khởi nghiệp	3	3	0	3		45	0	90				IV
19	HM2010	Pháp luật trong du lịch – khách sạn	2	2	0	2		30	0	60				VI
20	TM2004	Phương pháp nghiên cứu trong du lịch	3	3	0		3	45	0	90				II
21	HM2013	Hành vi tổ chức	3	3	0			45	0	90		14		II
III	**Khối kiến thức ngành/chuyên ngành: 69 TC (Bắt buộc: 64 TC; Tự chọn: 05 TC), chiếm 53.3% số TC CTĐT**													
22	HM3017	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	4	4	0	4		60	0	120				III
23	HM3018	Quản lý doanh thu	3	3	0	3		45	0	90		33		VI
24	HM2011	Quản trị du lịch MICE	3	3	0	3		45	0	90		14, 15		V
25	HM2006	Quản trị chiến lược kinh doanh du lịch	3	3	0	3		45	0	90		14, 15		VII
26	HM2007	Quản trị nhân sự trong du lịch	3	3	0	3		45	0	90		14		VII
27	HM3019	Tiếng Anh chuyên ngành ẩm thực	3	3	0	3		45	0	90				IV
28	HM3020	An ninh, an toàn trong khách sạn	2	2	0	2		30	0	60				VII
29	HM3021	Quản trị tài chính trong kinh doanh du lịch	3	3	0	3		45	0	90		23		VII
30	HM3054	Quản lý khu nghỉ dưỡng	3	3	0	3		45	0	90		14, 15		V

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			Học kỳ (dự kiến)
31	HM3022	Nghiệp vụ nhà hàng	3	1	2	3		15	60	90				IV
32	HM3025	Nghiệp vụ pha chế thức uống	3	1	2	3		15	60	90				III
33	HM3026	Quản lý bộ phận ẩm thực	3	3	0	3		45	0	90		14, 15		IV
34	HM3027	Nghiệp vụ tiền sảnh	3	1	2	3		15	60	60		16		V
35	HM3028	Nghiệp vụ buồng	3	1	2	3		15	60	60		16		V
36	HM3029	Quản lý lưu trú	3	3	0	3		45	0	90		14		V
37	HM3023	Nghiệp vụ chế biến món ăn	2		2	2			60	60		16		III
38	HM3024	Nghiệp vụ bếp bánh	2		2	2			60	60		16		III
39	HM3034	Quản trị dự án du lịch	3	3			3	45	0	90				VI
40	HM3035	Phát triển du lịch bền vững	3	3				45	0	90		13		VI
41	HM3030	Kỹ năng thuyết trình	2	2		2		30		60				I
42	HM3031	Kỹ năng tư duy phản biện	2	2		2		30		60				VI
43	HM3033	Kỹ năng đàm phán	2	2		2		30		60				VI
44	HM3036	Kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm	2	2	0		2	30	0	60				VII
45	HM3032	Kỹ năng quản lý thời gian	2	2	0			30	0	60				VII
46	HM3043	Sulyna concept	2	1	1	2		15	30	60		32, 37, 38		IV
47	HM3041	Chuyên đề thực tế 1	1	0	1	1			30	30		32, 37,		IV

			Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			
												38		Học kỳ (dự kiến)
TT	Mã HP	Tên học phần												
48	HM3042	Chuyên đề thực tế 2	1	0	1	1			30	30		34, 35		VI
49	HM3037	Lễ tân ngoại giao	2	2	0	2		30		60				VII
50	HM3055	Quản trị chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch	3	3	0	3		45		90				VII
IV	**Khối kiến thức cuối khóa *(thực tập nghề nghiệp, khóa luận tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp/các học phần thay thế)*: 8 TC (Bắt buộc: 4 TC; Tự chọn: 4 TC), chiếm 6.7% số TC CTĐT**													
51	HM3044	Khóa luận tốt nghiệp	4	0	4		4		120	120				VIII
52	HM3012	Internship	4	0	4	4			180	180		31, 32, 33, 34, 35, 36		VIII
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp														
53	HM3045	Đề án kinh doanh	4	0	4		4		120	120				VIII
54	HM3046	Quản lý khách sạn vừa và nhỏ	2	2	0			30		60				VIII
55	HM2001	Đạo đức kinh doanh	2	2	0			30		60				VIII
Tổng số tín chỉ của toàn chương trình: 120 TC (Bắt buộc: 108 TC; Tự chọn: 12 TC)														

2.3. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và CĐR của CTĐT

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (PLOs)										
		1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**
1	Triết học Mác - Lênin	x										x
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x										x
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x										x
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	x										x
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x										x
6	Pháp luật đại cương	x									x	x
7	Tin học đại cương	x										x
8	Anh văn I								x	x		x
9	Anh văn II								x	x		x
10	Giáo dục thể chất					x	x					x
11	LT - Giáo dục quốc phòng – An ninh	x										x
12	TH - Giáo dục quốc phòng – An ninh	x										x
13	Kinh tế du lịch		x		x						x	x
14	Quản trị học		x		x			x			x	x
15	Marketing du lịch		x		x						x	x
16	Đào tạo định hướng ngành kinh doanh khách sạn						x		x	x	x	x
17	Tâm lý và Giao tiếp trong du lịch		x		x			x	x		x	x
18	Đổi mới và Khởi nghiệp		x		x			x			x	x
19	Pháp luật trong du lịch – khách sạn					x	x		x		x	x
20	Phương pháp nghiên cứu trong du lịch		x	x	x				x	x	x	x
21	Hành vi tổ chức			x	x						x	x

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (PLOs)									
22	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn			x	x					x	x
23	Quản lý doanh thu				x	x				x	x
24	Quản trị du lịch MICE		x		x				x		x
25	Quản trị chiến lược kinh doanh du lịch								x	x	x
26	Quản trị nhân sự trong du lịch		x		x				x		x	x
27	Tiếng Anh chuyên ngành ẩm thực			x		x	x	x		x		x
28	An ninh, an toàn trong khách sạn			x		x		x				x
29	Quản trị tài chính trong kinh doanh du lịch		x	x	x			x				x
30	Quản lý khu nghỉ dưỡng		x					x				x
31	Nghiệp vụ nhà hàng		x		x						x	x
32	Nghiệp vụ pha chế thức uống			x		x	x	x			x	x
33	Quản lý bộ phận ẩm thực					x	x	x	x		x	x
34	Nghiệp vụ tiền sảnh					x	x	x	x		x	x
35	Nghiệp vụ buồng			x	x		x	x			x	x
36	Quản lý lưu trú		x	x				x		x	x	x
37	Nghiệp vụ chế biến món ăn			x					x	x	x	x
38	Nghiệp vụ bếp bánh			x					x	x	x	x
39	Quản trị dự án du lịch		x	x	x				x		x	x
40	Phát triển du lịch bền vững							x	x	x		x
41	Kỹ năng thuyết trình			x				x			x	x
42	Kỹ năng tư duy phản biện			x	x	x		x			x	x
43	Kỹ năng đàm phán			x	x				x	x		x
44	Kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm							x	x			x
45	Kỹ năng quản lý thời gian								x	x		x
46	Sulyna concept											x
47	Chuyên đề thực tế 1			x	x	x				x		x
48	Chuyên đề thực tế 2			x	x		x	x	x	x		x

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (PLOs)										
49	Lễ tân ngoại giao			x		x	x		x	x		x
50	Quản trị chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch			x	x				x	x		x
51	Khóa luận tốt nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
52	Internship					x	x	x	x	x	x	x
53	Đề án kinh doanh	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
54	Quản lý khách sạn vừa và nhỏ					x	x	x			x	x
55	Đạo đức kinh doanh					x	x	x			x	x

2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy

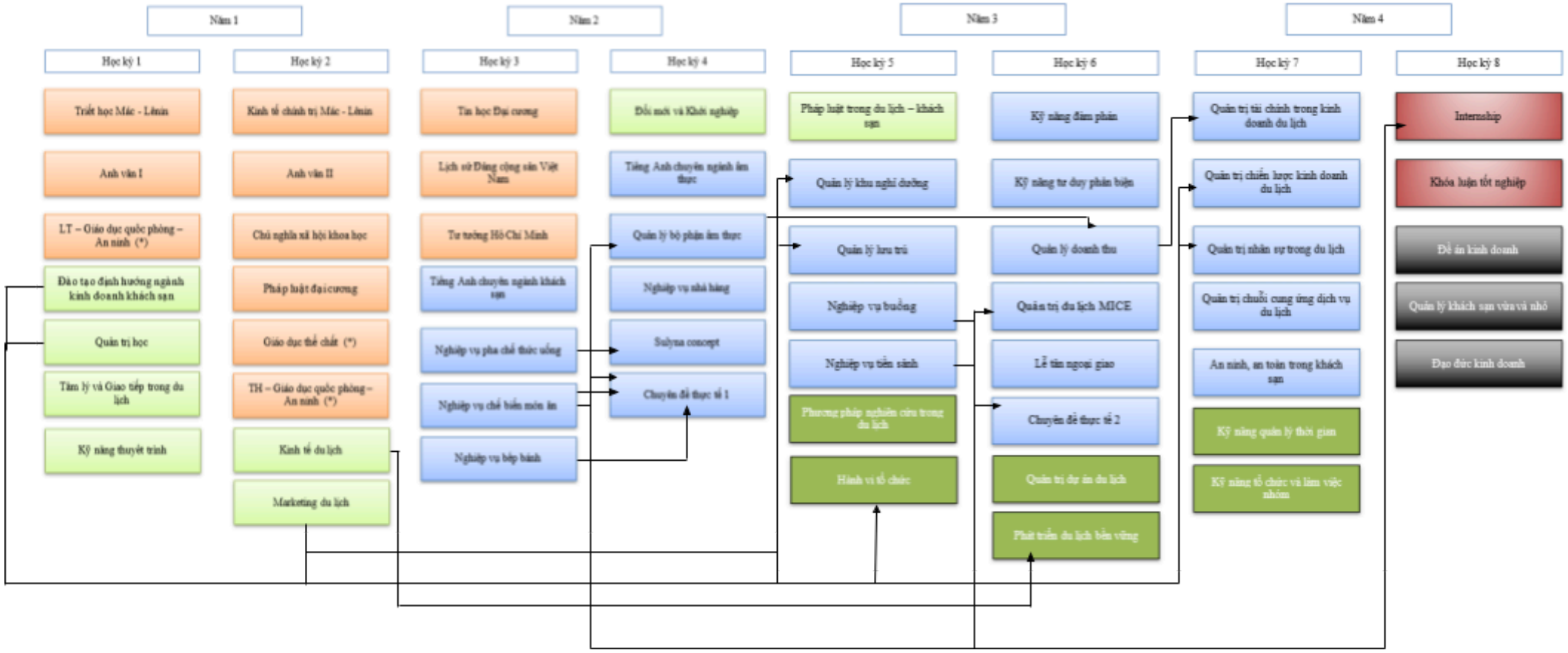
Năm 1
Năm 2
Năm 3
Năm 4
Học kỳ 1
Học kỳ 2
Học kỳ 3
Học kỳ 4
Học kỳ 5
Học kỳ 6
Học kỳ 7
Học kỳ 8
Triết học Mác - Lênin
Anh văn I
LT – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)
Đào tạo định hướng ngành kinh doanh khách sạn
Quản trị học
Tâm lý và Giao tiếp trong du lịch
Kỹ năng thuyết trình
Kinh tế chính trị Mác - Lênin
Anh văn II
Chủ nghĩa xã hội khoa học
Pháp luật đại cương
Giáo dục thể chất (*)
TH – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)
Kinh tế du lịch
Marketing du lịch
Tin học Đại cương
Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam
Tư tưởng Hồ Chí Minh
Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn
Nghiệp vụ pha chế thức uống
Nghiệp vụ chế biến món ăn
Nghiệp vụ bếp bánh
Đổi mới và Khởi nghiệp
Tiếng Anh chuyên ngành ẩm thực
Quản lý bộ phận ẩm thực
Nghiệp vụ nhà hàng
Sulyna concept
Chuyên đề thực tế 1
Pháp luật trong du lịch – khách sạn
Quản lý khu nghỉ dưỡng
Quản lý lưu trú
Nghiệp vụ buồng
Nghiệp vụ tiền sảnh
Phương pháp nghiên cứu trong du lịch
Hành vi tổ chức
Kỹ năng đàm phán
Kỹ năng tư duy phản biện
Quản lý doanh thu
Quản trị du lịch MICE
Lễ tân ngoại giao
Chuyên đề thực tế 2
Quản trị dự án du lịch
Phát triển du lịch bền vững
Quản trị tài chính trong kinh doanh du lịch
Quản trị chiến lược kinh doanh du lịch
Quản trị nhân sự trong du lịch
Quản trị chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch
An ninh, an toàn trong khách sạn
Kỹ năng quản lý thời gian
Kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm
Internship
Khóa luận tốt nghiệp
Đề án kinh doanh
Quản lý khách sạn vừa và nhỏ
Đạo đức kinh doanh

Chú thích

Khối kiến thức giáo dục đại cương	
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	
● Kiến thức cơ sở ngành	
- Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	
- Kiến thức cơ sở ngành tự chọn	
● Kiến thức ngành/ chuyên ngành	
- Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	
- Kiến thức chuyên ngành tự chọn	
● Kiến thức cuối khoá	
- Kiến thức cuối khoá bắt buộc/ Khoá luận tốt nghiệp	
- Học phần thay thế khoá luận	

Mối quan hệ

	Học phần học trước *(Học phần ở cuối mũi tên học trước học phần ở đầu mũi tên)*

2.5. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết	
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành
Học kỳ I: 16 TC (Bắt buộc: 16 TC; Tự chọn: 0 TC)									
1	05068	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	3		45	0
2	GE1017	Anh văn I	3	3		3		45	0
3	02309	LT – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	5	5	0	5		75	0
4	HM3038	Đào tạo định hướng ngành kinh doanh khách sạn	2	1	1	2		15	30
5	BA2003	Quản trị học	3	3	0	3		45	0
6	HM2005	Tâm lý và Giao tiếp trong du lịch	3	3	0	3		45	0
7	HM3030	Kỹ năng thuyết trình	2	2	0	2		30	0
Học kỳ II: 15 TC (Bắt buộc: 15 TC; Tự chọn: 0 TC)									
1	05069	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	2		30	0
2	05070	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2		30	0
3	GE1018	Anh văn II	3	3	0	3		45	0

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết	
4	HM2002	Kinh tế du lịch	3	3	0	3		45	0
5	HM2004	Marketing du lịch	3	3	0	3		45	0
6	00042	Pháp luật đại cương	2	2	0	2		30	0
8	GE1020	Giáo dục thể chất (*)	3	1	2	3		15	60
9	02310	TH – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	3	0	3	3		0	90
Học kỳ III: 17 TC (Bắt buộc: 17 TC; Tự chọn: 0 TC)									
1	00008	Tin học Đại cương	2	2	0	2		30	0
2	05071	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	2		30	0
3	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	2		30	0
4	HM3017	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	4	4	0	4		60	0
5	HM3025	Nghiệp vụ pha chế thức uống	3	1	2	3		15	60
6	HM3023	Nghiệp vụ chế biến món ăn	2	0	2	2		0	60
7	HM3024	Nghiệp vụ bếp bánh	2	0	2	2		0	60
Học kỳ IV: 15 TC (Bắt buộc: 15 TC; Tự chọn: 0 TC)									
1	HM3019	Tiếng Anh chuyên ngành ẩm thực	3	3	0	3		45	0
2	HM3022	Nghiệp vụ nhà hàng	3	1	2	3		15	60
3	HM3026	Quản lý bộ phận ẩm thực	3	3	0	3		45	0
4	HM3043	Sulyna concept	2	1	1	2		15	30
5	HM3041	Chuyên đề thực tế 1	1	0	1	1		0	45
6	HM2008	Đổi mới và Khởi nghiệp	3	3	0	3		45	0
Học kỳ V: 17 TC (Bắt buộc: 14 TC; Tự chọn: 3 TC)									
1	HM3028	Nghiệp vụ buồng	3	1	2	3		15	60
2	HM3027	Nghiệp vụ tiền sảnh	3	1	2	3		15	60
3	HM2010	Pháp luật trong du lịch – khách sạn	2	2	0	2		30	0
4	HM3054	Quản lý khu nghỉ dưỡng	3	3	0	3		45	0
5	HM3029	Quản lý lưu trú	3	3	0	3		45	0
6a	*TM2004*	*Phương pháp nghiên cứu trong du lịch*	*3*	*3*	*0*	*0*	*3*	*45*	*0*
6b	*HM2013*	*Hành vi tổ chức*	*3*	*3*	*0*	*0*		*45*	*0*
Học kỳ VI: 16 TC (Bắt buộc: 13 TC; Tự chọn: 3 TC)									
1	HM3033	Kỹ năng đàm phán	2	2	0	2		30	0
2	HM3031	Kỹ năng tư duy phản biện	2	2	0	2		30	0
3	HM3018	Quản lý doanh thu	3	3	0	3		45	0
4	HM3042	Chuyên đề thực tế 2	1	0	1	1		0	45
5	HM2011	Quản trị du lịch MICE	3	3	0	3		45	0
6	HM3037	Lễ tân ngoại giao	2	2	0	2		30	0
7a	*HM3034*	*Quản trị dự án du lịch*	*3*	*3*	*0*	*0*	*3*	*45*	*0*
7b	*HM3035*	*Phát triển du lịch bền vững*	*3*	*3*	*0*	*0*		*45*	*0*

			Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết	
Học kỳ VII: 16 TC (Bắt buộc: 14 TC; Tự chọn: 02 TC)									
TT	**Mã HP**	**Tên học phần**							
1	HM3021	Quản trị tài chính trong kinh doanh du lịch	3	3	0	3		45	0
2	HM2006	Quản trị chiến lược kinh doanh du lịch	3	3	0	3		45	0
3	HM2007	Quản trị nhân sự trong du lịch	3	3	0	3		45	0
4	HM3020	An ninh, an toàn trong khách sạn	2	2	0	2		30	0
5	HM3055	Quản trị chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch	3	3	0	3		45	0
6a	*HM3032*	*Kỹ năng quản lý thời gian*	*2*	*2*	*0*	*0*	*2*	*30*	*0*
6b	*HM3036*	*Kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm*	*2*	*2*	*0*	*0*		*30*	*0*
Học kỳ VIII: 8 TC (Bắt buộc: 04 TC; Tự chọn: 4 TC)									
1	HM3012	Internship	4	0	4	4	0	0	180
2	*HM3044*	*Khóa luận tốt nghiệp*	*4*	*0*	*4*	*0*	*4*	*0*	*120*
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp									
3	HM3045	Đề án kinh doanh	4	0	4	0	4	0	120
4.1	HM3046	Quản lý khách sạn vừa và nhỏ	2	2	0	0		30	0
4.2	HM2001	Đạo đức kinh doanh	2	2	0	0		30	0

2.6. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN

Triết học Mác – Lênin

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương, giúp cho người học:

- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất về chủ nghĩa Mác – Lênin. Hiểu được vị trí quan trọng của nó trong toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác Lênin.
- Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinhquan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.
- Biết sử dụng phương pháp tư duy của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử khi nghiên cứu các vấn đề tự nhiên, xã hội và tư duy.
- Liên hệ vận dụng, gắn lý luận với thực tiễn, dự báo xu hướng vận động.
- Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng; Có năng lực tổ chức thực hiện công việc và học hỏi, phát triển bản thân.
- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp, có tinh thần hợp tác, tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động làm việc nhóm

Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương, giúp cho người học:

- Nắm được đối tượng và phương pháp nghiên cứu kinh tế chính trị học Mác - Lênin; hiểu được vị trí quan trọng của nó trong toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác; nhận thức một cách sâu sắc kinh tế chính trị học Mác - Lênin là nền tảng chủ yếu để

Đảng và Nhà nước xây dựng cương lĩnh, đường lối, phương châm và các chính sách kinh tế.

- Người học hiểu biết thế nào là sản xuất hàng hóa; hàng hóa; tiền tệ; quy luật giá trị; công thức chung của tư bản và mâu thuẫn của nó; sức lao động - hàng hóa đặc biệt; giá trị thặng dư; tư bản bất biến, tư bản khả biến và các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong CNTB; quy luật giá trị thặng dư; tích lũy tư bản; tích tụ và tập trung tư bản; lưu thông tư bản: tuần hoàn và chu chuyển; TB cố định và TB lưu động; các hình thái biểu hiện của GTTD: lợi nhuận, lợi tức và địa tô TBCN; CNTB độc quyền: các đặc điểm kinh tế cơ bản; những biểu hiện mới.
- Biết sử dụng phương pháp tư duy của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử khi nghiên cứu các vấn đề kinh tế - xã hội.
- Sử dụng thường xuyên phương pháp logic kết hợp với lịch sử, các thao tác phân tích, tổng hợp, thống kê, mô hình hóa… khi nghiên cứu các vấn đề kinh tế.
- Liên hệ vận dụng, gắn lý luận với thực tiễn, dự báo xu hướng vận động.
- Có thế giới quan đúng đắn, nắm vững được phương pháp luận khoa học, từ đó nâng cao năng lực quan sát và phân tích vấn đề, xử lý và giải quyết mâu thuẫn trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa…
- Kiên định niềm tin và lòng tin, nhận thức và nhìn nhận đúng đắn đối với học thuyết kinh tế chính trị Mác - Lênin - học thuyết khoa học nhất, đúng đắn nhất trong bối cảnh ngày nay
- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp, có tinh thần hợp tác, tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động làm việc nhóm.

Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương, giúp cho người học:

- Hiểu được các kiến thức nền tảng về lý thuyết Chủ nghĩa xã hội khoa học Mác - Lênin; hiểu được vị trí quan trọng của nó trong toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác;
- Hiểu được các kiến thức nền tảng về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; hiểu được nội dung về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ

nghĩa xã hội;

- Vận dụng những hiểu biết để phản biện lại các tranh luận sai lầm;
- Liên hệ vận dụng, gắn lý luận với thực tiễn, dự báo xu hướng vận động;
- Có kĩ năng làm việc theo nhóm trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề;
- Có thế giới quan đúng đắn, nắm vững được phương pháp luận khoa học, từ đó nâng cao năng lực quan sát và phân tích vấn đề, xử lý và giải quyết mâu thuẫn trong nhận thức về các vấn đề xã hội, nhà nước, v.v…;
- Kiên định niềm tin và lòng tin, nhận thức và nhìn nhận đúng đắn đối với học thuyết Mác - Lênin - học;
- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp, có tinh thần hợp tác, tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động làm việc nhóm.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam:

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương, giúp cho người học:

- Có tri thức mang tính hệ thống về quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), nội dung cơ bản, giá trị lịch sử của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1930-1945) cho đến nay;
- Hiểu rõ và đánh giá đúng các nội dung chính của lịch sử hình thành và phát triển Đảng;
- Xây dựng nhận thức biện chứng, khách quan về quá trình Đảng ra đời và vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xác lập chính quyền cách mạng;
- Khả năng tìm chọn tài liệu nghiên cứu, phân tích sự kiện, đúc rút kinh nghiệm lịch sử về sự lãnh đạo kháng chiến của Đảng và ý thức phê phán những nhận thức sai trái về lịch sử của Đảng;
- Có phong cách tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn, phát huy tính năng động, sáng tạo của người học; vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống;
- Giữ vững niềm tin vào con đường cách mạng giải phóng dân tộc, đường lối của Đảng trong lãnh đạo đưa cả nước quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới;
- Nhận thức đúng đắn thực tiễn lịch sử và những kinh nghiệm rút ra từ quá trình Đảng

lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1945-1975, nâng cao niềm tin, vào sự lãnh đạo của Đảng và sức mạnh đoàn kết của toàn dân trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc;

- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp, có tinh thần hợp tác, tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động làm việc nhóm.

Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương, giúp cho người học:

- Trình bày được cơ bản về nội dung học tập học phần tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Phân tích được các nội dung cơ bản trong học phần tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Khẳng định luận điểm chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta
- Nhận thức được kết quả của sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong tiến trình cách mạng Việt Nam, nhất là trong sự nghiệp đổi mới hiện nay;
- Liên hệ thực tế giải quyết một số vấn đề liên quan đến môn học;
- Nâng cao lòng tự hào và sự kính trọng đối với Bác Hồ kính yêu;
- Hun đúc, giữ gìn tinh thần yêu nước, yêu lao động, đóng góp tích cực vào thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;
- Hiểu biết một cách có hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, Hồ Chí Minh trong sự phát triển toàn diện đất nước. Thực hiện có hiệu quả cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh;
- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp, có tinh thần hợp tác, tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động làm việc nhóm.

Pháp luật đại cương

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương, giúp cho người học:

- Phân tích, hệ thống hóa được kiến thức nền tảng về nhà nước và pháp luật chung gồm các vấn đề về: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức nhà nước; Bộ máy nhà nước; Nhà nước pháp quyền; Nguồn gốc, kiểu, hình thức pháp luật; Quy phạm pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; Quan hệ pháp luật; Thực hiện pháp luật; Giải thích pháp luật; Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý;
- Vận dụng được những kiến thức nền tảng về nhà nước và pháp luật vào việc giải thích, đánh giá các hiện tượng nhà nước và pháp luật trên thực tế;

- Thuyết trình được. Có khả năng lập luận, phản biện để bảo vệ quan điểm cá nhân về các vấn đề của nhà nước và pháp luật;
- Vận dụng được các kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật để áp dụng vào thực tế đời sống;
- Biết cách tìm kiếm, tra cứu, lựa chọn tài liệu để thực hiện các nhiệm vụ học tập;
- Biết hợp tác, làm việc trong nhóm hiệu quả để giải quyết các nhiệm vụ học tập.

Tin học đại cương

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương, giúp cho người học:

- Trình bày được khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin;
- Sử dụng được các công cụ tìm kiếm trên internet;
- Sử dụng được các dịch vụ trên mạng Internet và các tiện ích có liên quan;
- Sử dụng được các các ứng dụng tin học văn phòng: word, excel, powerpoint ;
- Biết các thuật ngữ tiếng Anh của môn học. Đọc hiểu tài liệu tiếng Anh liên quan đến các bài giảng của môn học;

Anh văn I

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương, giúp cho người học:

- Explain ideas and opinions through using communicative language skills;
- Differentiate receptive skills and productive skills;
- Apply vocabulary knowledge flexibly in communication;
- Identify the meaning of words and phrases in the right context;
- Clarify how to use integrated skills;
- Appraise communicative effectively;
- Plan to communicate and address the problem by focusing on practical communicative skills;
- Evaluate language skills and competencies to carry out communicative activities at the end of each lesson;
- Explain & adjust behaviours related to learning activities and contents of lessons through communication.

Anh văn II

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương, giúp cho người học:

- Explain ideas and opinions through using communicative language skills;
- Differentiate receptive skills and productive skills;

- Apply vocabulary knowledge flexibly in communication;
- Identify the meaning of words and phrases in the right context;
- Clarify how to use integrated skills;
- Appraise communicative effectively;
- Plan to communicate and address the problem by focusing on practical communicative skills.
- Evaluate language skills and competencies to carry out communicative activities at the end of each lesson.
- Explain & adjust behaviours related to learning activities and contents of lessons through communication.

Giáo dục thể chất (*)

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương, nhằm trang bị cho học sinh kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khoẻ; kiến thức và kỹ năng vận động; hình thành thói quen tập luyện, khả năng lựa chọn môn thể thao phù hợp để luyện tập nâng cao sức khoẻ, phát triển thể lực và tố chất vận động; trên cơ sở đó giúp học sinh có ý thức, trách nhiệm đối với sức khoẻ của bản thân, gia đình và cộng đồng, thích ứng với các điều kiện sống, sống vui vẻ, hoà đồng với mọi người. Sau khi học xong học phần này, sinh viên cần biết áp dụng các Kiến thức rèn luyện thân thể để nâng cao sức khỏe của bản thân và cộng đồng...

Lý thuyết Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương, nhằm giới thiệu những vấn đề cơ bản về truyền thống quân đội Nhân dân Việt Nam và nghĩa vụ của người thanh niên đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trình độ đại học, cao đẳng. Người học cần xác định được các kiến thức về đường lối cách mạng, đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thực hành Giáo dục Quốc Phòng An Ninh (*)

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương, hướng dẫn người học thực hiện được những thao tác kỹ thuật về: điều lệ đội ngũ, bắn súng AK, ném lựu đạn, chiến thuật tiến công và phòng ngự trong chiến đấu và rèn luyện được tác phong quân sự trong sinh hoạt, học tập, góp phần giữ vững trật tự, an ninh trong nhà trường. Người học có thể áp dụng các kiến thức này trong rèn luyện thân thể cũng như bảo vệ quốc gia.

Kinh tế du lịch

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành, giúp cho người học:

- Xác định và phân biệt các khái niệm của du lịch và các đặc điểm của kinh tế học trong các lãnh vực kinh doanh của ngành du lịch
- Giải thích và đánh giá các phương pháp đo lường du lịch
- Tổng hợp và áp dụng các kiến thức liên quan đến kinh tế vĩ mô và vi mô trong du lịch như: nguồn cung và nhu cầu trong du lịch, các yếu tố ảnh hưởng đến cung và cầu du lịch, xu hướng du lịch cạnh tranh giữa cung, sự tiêu dùng du lịch, sản phẩm du lịch, đầu tư du lịch, tác động kinh tế của du lịch.
- Tranh luận và thẩm định các dự án trong ngành du lịch theo cấp độ vi mô và vĩ mô
- Vận dụng kỹ năng phân tích dữ liệu, đánh giá vấn đề, giải quyết tình huống và ra quyết định chính xác.
- Thực hành các kỹ năng sử dụng các phương pháp định tính và định lượng để phân tích, dự báo và đánh giá xu hướng chung của cung và cầu trong du lịch nhằm đưa ra các chiến lược tốt có thể áp dụng trong các doanh nghiệp thuộc lãnh vực du lịch
- Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc và tập trung xuyên suốt quá trình học và làm việc nhóm nhằm tiếp thu và ứng dụng những kiến thức về kinh tế học trong lãnh vực du lịch ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô.

Quản trị học

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành, giúp cho người học:

- Xác định và phân biệt các khái niệm và lý thuyết liên quan đến quản trị nhằm hiểu rõ thêm về quá trình quản trị trong doanh nghiệp theo khía cạnh của các nhà quản trị học.
- Diễn giải và đánh giá thực trạng và các yếu tố trong và ngoài doanh nghiệp.
- Thảo luận và áp dụng quá trình ra quyết định một cách hợp lý trong mọi tình huống
- Tổng hợp, phân tích, và ứng dụng các nguyên lý của quản trị trong doanh nghiệp bao gồm bốn quá trình/chức năng cơ bản: quá trình hoạch định, quá trình tổ chức, quá trình lãnh đạo và điều khiển, và quá trình kiểm tra.
- Vận dụng kỹ năng phân tích dữ liệu, đánh giá vấn đề, giải quyết tình huống và ra quyết định chính xác.
- Thực hành những kỹ năng quan trọng của nhà quản trị trong quá trình quản trị như: lập kế hoạch, tổ chức công việc, lãnh đạo,và kiểm soát.
- Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc và tập trung xuyên suốt quá trình học và làm

việc nhóm.

Marketing du lịch

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành, giúp cho người học:

- Giải thích được các đặc trưng của dịch vụ tác động như thế nào đến cách thức marketing vận hành trong ngành du lịch và khách sạn.
- Nhận diện và phát triển các cơ hội marketing.
- Phát triển các công cụ PR cho điểm đến du lịch.
- Thiết kế và nắm bắt giá trị khách hàng mục tiêu.
- Thiết kế và phát triển mạng lưới chuyển giao và nhận giá trị khách hàng.
- Thực hiện được một nghiên cứu marketing.
- Vận dụng sáng tạo các công cụ chiêu thị hỗn hợp để đánh động thị trường về sản phẩm và dịch vụ của một doanh nghiệp cụ thể.
- Hoàn thiện tư duy tích cực, thái độ chuyên nghiệp và trung thực trong học tập.

Đào tạo định hướng ngành kinh doanh khách sạn

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, kết quả giúp cho người học:

- Khái quát hóa kiến thức tổng quan về ngành du lịch và khách sạn.
- Trình bày được các loại hình kinh doanh lưu trú, ăn uống, dịch vụ du lịch khác; sự tác động qua lại giữa các lĩnh vực đối với kinh doanh du lịch và lưu trú.
- Liệt kê được các loại phòng khách sạn, so sánh được các loại – hạng khách sạn, so sánh được các tiêu chí xếp loại – hạng.
- Phát họa được cơ cấu tổ chức và sự vận hành của một cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch, cụ thể là khách sạn.
- Phát triển tư duy phản biện, làm việc nhóm; nghiên cứu vai trò và xu hướng lựa chọn nghề nghiệp trong ngành khách sạn.
- Hình thành thói quen và tính chủ động trong học và hành; Duy trì tính kỷ luật trong việc theo đuổi mục tiêu.

Tâm lý & Giao tiếp trong du lịch

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, giúp cho người học:

- Trình bày được bản chất của các hiện tượng tâm lý, các trạng thái và thuộc tính tâm lý, những ảnh hưởng của một số hiện tượng tâm lý xã hội đối với hoạt động du lịch.
- Trình bày được vai trò của giao tiếp và các phương tiện/nghi thức giao tiếp cơ bản.
- Ứng dụng kiến thức tâm lý học vào thực tiễn, thích ứng linh hoạt trong môi trường quốc tế và những trải nghiệm thực tế tại cơ sở lưu trú du lịch.
- Vận dụng vào nắm bắt tâm lý khách hàng và nhà cung ứng trong hoạt động du lịch,

nhằm giao tiếp hiệu quả và đạt được mục đích.

- Quan tâm giá trị đạo đức, có thái độ trách nhiệm, tư duy cầu tiến trong nghề nghiệp, ý thức về nhu cầu học tập suốt đời.

Đổi mới & Khởi nghiệp

Học phần thuộc khối kiến thức ngành, giúp cho người học:

- Giải thích tiến trình đổi mới trong một bối cảnh cụ thể.
- Nhận thức vai trò của tri thức và học tập với đổi mới.
- Ứng dụng các mô hình quản lý sự đổi mới vào trong một bối cảnh cụ thể.
- Xây dựng mới hoặc phát triển các hệ thống hiện hành để gia tăng hiệu suất.
- Đề xuất các mô hình vườn ươm đổi mới & khởi nghiệp.
- Xây dựng qui trình đổi mới vào công việc trong những bối cảnh cụ thể.
- Chứng minh đổi mới trong học tập và và cuộc sống mọi lúc, mọi nơi.

Pháp luật trong du lịch – khách sạn

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, giúp cho người học:

- Trình bày được các khái niệm công cụ trong lĩnh vực du lịch và Luật Du lịch;
- Diễn giải hệ thống quản lý Nhà nước về du lịch;
- Áp dụng các điều luật trong mỗi lĩnh vực kinh doanh du lịch cụ thể: kinh doanh lữ hành, kinh doanh vận chuyển khách du lịch, kinh doanh lưu trú du lịch, phát triển các dịch vụ trong khu du lịch, điểm du lịch, đô thị du lịch.
- Ứng dụng các điều luật vào hoạt động kinh doanh lưu trú du lịch và phục vụ khách du lịch, và xử lý đúng các tình huống du lịch theo luật.
- Trách nhiệm nghề nghiệp, tuân thủ và chấp hành tốt các quy định của luật, phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả giữa các cá nhân và tổ chức trên cơ sở các quy định của luật pháp.

Phương pháp nghiên cứu trong du lịch

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, giúp cho người học:

- Giải thích được các khái niệm về NCKH
- So sánh được các PPNC khác nhau.
- Chọn lọc được những phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp vào từng mục đích nghiên cứu khác nhau.
- Áp dụng được các bước, quy trình NCKH để thực hiện được một vấn đề cần nghiên cứu trong quản trị kinh doanh du lịch, khách sạn, sự kiện.
- Thiết lập được quy trình nghiên cứu.

- Kết hợp được các phương pháp nghiên cứu khác nhau trong thực hiện một NCKH.
- Đề ra được các kiến nghị, giải pháp cho bài báo cáo khoa học.
- Thói quen và tính chủ động trong học tập, quan sát các hiện tượng, tình huống trong cuộc sống và công việc.

Hành vi tổ chức

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, kết quả giúp cho người học.

- Minh họa được các yếu tố thuộc 3 cấp độ cá nhân, nhóm và tổ chức có ảnh hưởng đến hành vi trong tổ chức.
- Giải thích được mô hình HVTC trong hoạt động QTNL.
- Phân tích được hành vi cá nhân, nhóm, và tổ chức đã được học vào trong QTNL.
- Ứng dụng các lý thuyết HVTC vào thực tế các hoạt động QTNL.
- Thực hành các kỹ năng quản trị hiệu quả, bao gồm kỹ năng làm việc với con người, giải quyết các vấn đề nhân sự, kỹ năng giao tiếp hiệu quả, kỹ năng học hỏi và phát triển bản thân.
- Nhận thức được năng lực và hành vi của bản thân, góp phần thực hiện trách nhiệm đối với bản thân, tổ chức, và xã hội.
- Nhận thức được hành vi của người khác, từ đó đưa ra cách thức thể hiện hành vi đạo đức và giao tiếp và ứng xử hiệu quả.

Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, kết quả giúp cho người học:

- Lĩnh hội tiếng Anh vào kiến thức về khách sạn, nhà hàng và ẩm thực vào công việc chuyên môn.
- Sử dụng kỹ năng nghe như nắm được ý chính, nghe từ file MP3 của các chủ đề trong ngành khách sạn, và vận dụng tại nơi làm việc và giao tiếp với khách.
- Sử dụng kỹ năng nói theo các chủ đề trong ngành khách sạn, và vận dụng tại nơi làm việc và giao tiếp với khách.
- Sử dụng kỹ năng đọc theo chủ đề ngành khách sạn, và vận dụng đọc nhanh lấy ý chính, những cụm từ chuyên ngành khách sạn.
- Sử dụng kỹ năng viết như vận dụng từ vựng mới làm thành câu, viết thành đoạn văn đơn giản theo chủ đề khách sạn, viết CV, Cover letters.
- Có ý thức tự học và tự nghiên cứu, có thái độ tự tin và linh hoạt trong giao tiếp, có trách nhiệm trong làm việc nhóm tại lớp và tại nơi làm việc.

Quản lý doanh thu

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, kết quả giúp cho người học:

- Mô tả các nguyên tắc định giá sản phẩm/dịch vụ cho thị trường mục tiêu và kenh phân phối phù hợp của tổ chức/doanh nghiệp.
- Chọn lựa, phân tích và đánh giá các đối thủ cạnh trong một bối cảnh cụ thể.
- Dự đoán hiệu suất hoạt động dựa trên các chỉ số doanh thu, ngân sách, kênh chuyển giao và chỉ số tồn kho của một cơ sở kinh doanh trong ngành khách sạn cụ thể.
- Thực thi chiến lược quản lý doanh thu theo chỉ số RevMAP.
- Sử dụng được các công cụ thống kê, phân tích và dự báo mức cầu thị trường cho các quyết định trong định giá phù hợp.
- Phát triển các công cụ, chiến thuật và nguồn lực cho nỗ lực quản lý các nguồn phát sinh/tạo doanh thu tối ưu.
- Hành động có trách nhiệm với các bên có liên quan, tận tụy và đổi mới trong tư duy.

Quản trị du lịch MICE

Học phần thuộc khối kiến thức ngành, giúp cho người học:

- Chỉ ra các thành phần liên quan đến du lịch MICE
- Xác định tính đặc thù của loại hình du lịch MICE
- Phân tích được vai trò của MICE đối với hoạt động du lịch
- Phân tích thị trường, tổ chức bán sản phẩm du lịch MICE
- Đáng giá các chính sách trong tiếp thị sản phẩm du lịch MICE
- Xây dựng kế hoạch sự kiện MICE; Điều phối viên MICE; Truyền thông sự kiện MICE; Tổ chức và Quản lý sự kiện MICE
- Ý thức tổ chức và quản lý; tinh thần phối hợp giữa các bộ phận, tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

Quản trị chiến lược kinh doanh du lịch

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Mô tả được các khái niệm, cấp độ, dạng thức thể hiện của mục tiêu trong chiến lược.
- Đánh giá được các bối cảnh của tổ chức/doanh nghiệp THE cụ thể.
- Phân tích được sự tác động của các yếu tố từ môi trường vào hoạt động và hiệu suất một tổ chức/doanh nghiệp THE cụ thể.
- Phát triển được các bộ chiến lược cạnh tranh và định hướng trong bối cảnh ngành THE.
- Chọn được chiến lược phù hợp cho một tổ chức/doanh nghiệp THE cụ thể.
- Tổ chức triển khai được chiến lược cho một tổ chức/doanh nghiệp THE cụ thể.

- Phát triển được các công cụ đánh giá và đo lường hiệu suất của các chiến lược.
- Ứng dụng kỹ thuật phân tích, định trọng số nhân tố tác động và xây dựng ma trận SWOT.
- Hành động kiên định, nhất quán nhưng linh hoạt ứng phó với những hoàn cảnh không mong đợi. Rèn luyện bản lĩnh không bỏ cuộc.

Quản trị nhân sự trong du lịch

Học phần thuộc khối kiến thức ngành, giúp cho người học:

- Ghi nhớ và thảo luận về khái niệm quản trị nguồn nhân lực, đặc biệt trong ngành khách sạn;
- Nhận biết, xây dựng và đánh giá các yếu tố tác động đến văn hóa (môi trường bên trong) của tổ chức và thị trường lao động (môi trường bên ngoài); mối liên hệ của chúng đến quá trình quản trị nguồn nhân lực trong ngành khách sạn;
- Xem xét, áp dụng, và tranh luận về các quá trình liên quan đến quản trị nguồn nhân lực như: tuyển dụng, quản lý sự đa dạng, đào tạo, quản lý hiệu suất lao động, khen thưởng;
- Xây dựng và thẩm định mối liên hệ giữa nhân viên và sự tham gia của nhân viên trong công việc;
- Hình thành và áp dụng các kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, phân tích dữ liệu, đánh giá vấn đề, giải quyết tình huống nghiệp vụ;
- Xây dựng và áp dụng các kỹ năng quản trị để quản lý nguồn nhân lực hiệu quả nhằm đạt được nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng, và mục tiêu của tổ chức;
- Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc và tập trung xuyên suốt quá trình học và làm việc nhóm.

Tiếng Anh chuyên ngành ẩm thực

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, kết quả giúp cho người học:

- Khái quát hóa tiếng Anh vào kiến thức chuyên ngành trong khách sạn, nhà hàng và ẩm thực vào công việc chuyên môn.
- Sử dụng kỹ năng nghe như nắm được ý chính, nghe từ file MP3 của các chủ đề trong ngành ẩm thực, và vận dụng tại nơi làm việc và giao tiếp với khách.
- Sử dụng kỹ năng nói theo các chủ đề trong ngành ẩm thực, và vận dụng tại nơi làm việc và giao tiếp với khách.
- Sử dụng kỹ năng đọc theo các chủ đề ngành ẩm thực, vận dụng được đọc nhanh lấy ý chính, những cụm từ chuyên ngành ẩm thực.

- Sử dụng kỹ năng viết như vận dụng từ vựng mới làm thành câu, viết thành đoạn văn đơn giản theo chủ đề ẩm thực.
- Thái độ học tập nghiêm túc tự học và tự nghiên cứu, có thái độ tự tin và linh hoạt trong giao tiếp, và tham gia tích cực vào các cuộc thảo luận làm việc theo cặp, theo nhóm, và tại nơi làm việc một cách có trách nhiệm.

An ninh, an toàn khách sạn

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, kết quả giúp cho người học:

- Hiểu được vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, những công việc cơ bản nhất của một nhân viên an ninh hay nhân viên bảo vệ của Khách sạn – Nhà hàng hoặc một cơ sở lưu trú.
- Hiểu một số giải pháp nhằm đảm bảo an ninh khách sạn, biết cách thiết kế và xây dựng hệ thống an ninh khách sạn.
- Biết cách ngăn ngừa, và phát hiện các nguy cơ tiềm ẩn về mất mát dưới mọi hình thức và đưa ra hành động xử lý thích hợp.
- Rèn luyện kỹ năng đặt vấn đề, giải quyết vấn đề, kỹ năng tổng hợp kiến thức, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng ứng xử tình huống bất ngờ xẩy ra,… giúp họ có tư duy sáng tạo, khả năng tìm tòi học hỏi, rèn luyện kỹ năng nghề chuyên nghiệp.
- Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc và tập trung xuyên suốt quá trình học và làm việc nhóm nhằm tiếp thu và ứng dụng những kiến thức đã học vào thực tế.

Quản trị tài chính trong kinh doanh du lịch

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, kết quả giúp cho người học:

- Nhận biết và phát triển các kiến thức và tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính đối với doanh nghiệp. Từ đó, tổng hợp và xây dựng báo cáo tài chính quan trọng cho quá trình quản lý và phát triển của doanh nghiệp;
- Làm rõ và áp dụng các phương pháp nhằm thẩm định và đưa ra quyết định đầu tư hợp lý cho doanh nghiệp;
- Lĩnh hội và khai thác các nguồn tài chính để tạo nên một hệ thống tài chính dài hạn hiệu quả cho doanh nghiệp thông qua tận dụng các loại vốn của doanh nghiệp như cơ cấu vốn, chi phí vốn, vốn lưu động;
- Xác định và quản lý giá trị cổ đông phục vụ cho sự tăng trưởng doanh nghiệp;
- Hình thành và áp dụng các kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, phân tích dữ liệu, đánh giá vấn đề, giải quyết tình huống;
- Xây dựng và ứng dụng thành thục các kỹ năng tài chính cũng như các phương pháp

để hình thành, thẩm định, và áp dụng các hoạt động tài chính hỗ trợ doanh nghiệp đạt được lợi ích tài chính hiệu quả;

- Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc và tập trung xuyên suốt quá trình học và làm việc nhóm.

Quản lý khu nghỉ dưỡng

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Giải thích được các khái niệm về cấu trúc hình thành, chức năng và nhiệm vụ của các bộ phân trong khu nghỉ dưỡng.
- Trình bày được cơ chế vận hành của các bộ phận trong kinh doanh khu nghỉ dưỡng.
- Phân loại được các loại hình khu nghỉ dưỡng khác nhau.
- Ứng dụng được những kiến thức chuyên ngành như quản trị nhân sự, quản trị chất lượng, quản trị chiến lược, từ đó có thể định hướng đề xuất các chiến lược về nhân sự, marketing, sản phẩm cho mô hình kinh doanh lưu trú để lập kế hoạch và phát triển, cơ sở vật chất, giải trí, thực phẩm và đồ uống, dịch vụ dọn phòng và giặt ủi, quản lý tài sản, tiết kiệm năng lượng, kế toán và mua hàng, an ninh và quản lý rủi ro, tiếp thị khu nghỉ dưỡng và kinh doanh bền vững.
- Vận dụng được những kiến thức chuyên ngành để vận hành khu nghỉ dưỡng đảm bảo tính thông suốt cho cả chu trình phục vụ khách.
- Lập kế hoạch phân bổ nhân sự, kiểm tra, giám sát cho các bộ phận trong cơ sở kinh doanh khu nghỉ dưỡng.
- Đề ra được các chiến lược về nhân sự, quản trị chất lượng, marketing, sản phẩm cho các mô hình kinh doanh khu nghỉ dưỡng.
- Xây dựng được các tiêu chuẩn cho sản phẩm trong kinh doanh khu nghỉ dưỡng.
- Kết hợp được các nghiệp vụ chuyên môn cũng như các kiến thức chuyên ngành trong việc vận hành các mô hình kinh doanh khu nghỉ dưỡng mới.

Thể hiện tinh thần trách nhiệm vào thực tiễn học tập, làm việc và bảo vệ môi trường.

Nghiệp vụ nhà hàng

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, kết quả giúp cho người học:

- Giải thích được các khái niệm trong ngành kinh doanh ẩm thực.
- Phân biệt được các phương pháp chế biến ẩm thực cơ bản.
- Diễn giải được các bước trong quy trình trong phục vụ ẩm thực.
- Thực hành được các bước trong quy trình phục vụ ẩm thực.
- Ứng dụng được các kỹ năng nghiệp vụ vào các bước trong phục vụ ẩm thực.

- Nắm vững được các kỹ năng nhận biết, phân biệt và sử dụng các loại dụng cụ, thiết bị phục vụ ẩm thực.
- Sử dụng thành thạo được các trang thiết bị trong phục vụ ẩm thực.
- Nắm vững các bước thực hiện quy trình phục vụ ẩm thực.
- Kỹ luật, nghiêm túc trong áp dụng các kiến thức vào thực tiễn học tập và làm việc.

Nghiệp vụ pha chế thức uống

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, kết quả giúp cho người học:

- Hiểu được luật pháp Việt Nam có liên quan đến việc mua và bán đồ uống có cồn.
- Giải thích được quy trình sản xuất rượu mạnh, rượu mùi, bia và các loại đồ uống khác.
- Vận dụng được cách bảo quản đồ uống hiệu quả và cách tính tỷ lệ luân chuyển hàng tồn kho.
- Thực hiện pha chế được các loại cocktails, mocktails, cà phê cơ bản khi được đặt hàng.
- Ứng dụng được các dụng cụ cầm tay và thiết bị cần thiết để pha chế đồ uống.
- Thể hiện tác phong chuyên nghiệp trong ngành dịch vụ ẩm thực khi giao tiếp với khách hàng, đồng nghiệp và quản lý.

Quản lý bộ phận ẩm thực

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, kết quả giúp cho người học:

- Giải thích được các khái niệm trong ngành kinh doanh ẩm thực.
- Phân biệt được các loại hình kinh doanh ẩm thực khác nhau.
- Phân biệt được các quy trình trong phục vụ ẩm thực.
- Trình bày được các quy trình sản xuất thực phẩm & đồ uống, thu mua, tồn trữ, tiếp thị áp dụng cho từng loại hình kinh doanh ẩm thực khác nhau.
- Trình bày được các phương pháp chế biến ẩm thực.
- Đề ra được các quy trình hoạt động vận hành thu mua & tồn trữ thực phẩm và đồ uống.
- Đề ra được các định hướng chiến lược về quản trị nhân sự, marketing, kiểm soát chất lượng.
- Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá sản phẩm, kiểm soát doanh thu, chi phí.
- Kết hợp được các kiến thức cơ sở về kinh tế, quản trị để đề xuất chiến lược về kinh doanh, tiếp thị cho các mô hình kinh doanh ẩm thực điển hình.
- Kỹ luật, nghiêm túc trong áp dụng các kiến thức vào thực tiễn học tập và làm việc.

Nghiệp vụ tiền sảnh

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, kết quả giúp cho người học:

- Mô tả vai trò và chức năng của một người quản trị tiền sảnh.
- Triển khai được các cách thức quản lí năng suất cho thuê phòng của bộ phận.
- Định chuẩn các công việc của từng chức năng trong bộ phận tiền sảnh.
- Sáng tạo trong kỹ năng truyền thông hiệu quả với khách hàng.
- Triển khai các cách tiếp đón khách riêng lẻ, khách đoàn, khách VIP.
- Sử dụng và khai thác phần mềm quản lý khách sạn (Smile).
- Liên kết qui trình vận hành các bộ phận Reception, Guest Relations, Concierge.
- Tùy chỉnh nhằm tối ưu hóa qui trình xử lý các vấn đề xảy ra trong suốt quá trình khách lưu trú, giải quyết phàn nàn của khách hàng trong một môi trường làm việc cụ thể.
- Thể hiện thái độ tích cực trong công việc, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, có năng lực giao tiếp, ứng xử phù hợp văn hóa với đồng nghiệp, khách hàng và cộng đồng. Tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có tinh thần làm việc tập thể.

Nghiệp vụ buồng

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, kết quả giúp cho người học:

- Giải thích được các khái niệm trong khách sạn/cơ sở kinh doanh lưu trú.
- Phân biệt được các phương pháp vệ sinh áp dụng trong các quy trình dọn vệ sinh.
- Diễn giải được các bước trong quy trình phục vụ buồng phòng trong khách sạn/cơ sở kinh doanh lưu trú.
- Thực hành các quy trình phục vụ trong các hoạt động lưu trú trong khách sạn/cơ sở kinh doanh lưu trú.
- Ứng dụng được các kỹ năng nhận biết phân biệt và sử dụng các loại dụng cụ, thiết bị, hóa chất phục vụ công tác vệ sinh trong khách sạn/cơ sở kinh doanh lưu trú.
- Nắm vững các kỹ năng nhận biết, phân biệt và sử dụng các loại hóa chất và thiết bị dùng phục vụ buồng phòng trong khách sạn/cơ sở kinh doanh lưu trú.
- Sử dụng thành thạo các máy móc, thiết bị phục vụ trong công việc phục vụ buồng phòng trong khách sạn/cơ sở kinh doanh lưu trú.
- Nắm vững các bước thực hiện quy trình phục vụ buồng phòng trong khách sạn/cơ sở kinh doanh lưu trú.
- Kỹ luật, nghiêm túc trong áp dụng các kiến thức vào thực tiễn học tập và làm việc.

Quản lý lưu trú

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, kết quả giúp cho người học:

- Giải thích được các khái niệm về cấu trúc hình thành, chức năng và nhiệm vụ của bộ phận lưu trú.
- Trình bày được cơ chế vận hành của các bộ phận trong kinh doanh lưu trú.
- Phân loại được các loại hình lưu trú khác nhau.
- Ứng dụng được những kiến thức chuyên ngành như quản trị nhân sự, quản trị chất lượng, quản trị chiến lược từ đó có thể định hướng đề xuất các chiến lược về nhân sự, marketing, sản phẩm cho mô hình kinh doanh lưu trú.
- Vận dụng được những kiến thức chuyên ngành về vận hành để đảm bảo tính thông suốt cho cả chu trình phục vụ khách.
- Lập kế hoạch phân bổ nhân sự, kiểm tra, giám sát cho các bộ phận trong cơ sở kinh doanh lưu trú.
- Đề ra được các chiến lược về nhân sự, quản trị chất lượng, marketing, sản phẩm cho các mô hình kinh doanh lưu trú.
- Xây dựng được các tiêu chuẩn cho sản phẩm trong kinh doanh lưu trú.
- Kết hợp được các nghiệp vụ chuyên môn cũng như các kiến thức chuyên ngành trong việc vận hành các mô hình kinh doanh lưu trú mới.
- Thể hiện tinh thần trách nhiệm vào thực tiễn học tập và làm việc.

Nghiệp vụ chế biến món ăn

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, kết quả giúp cho người học:

- Vận dụng kiến thức về thực phẩm, dinh dưỡng và các thuật ngữ ẩm thực để thiết kế và xây dựng thực đơn.
- Thực hiện các qui trình chọn lựa, bảo quản, sơ chế và chế biến các loại thực phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh nhà bếp và vệ sinh cá nhân trong môi trường làm việc tại nhà bếp.
- Sử dụng thành thạo kỹ năng phối hợp làm việc nhóm trong học tập và thực tế.
- Nắm vững kỹ thuật chế biến và phục vụ các món Á – Âu.
- Thành thạo nấu món Á- Âu, phục vụ điểm tâm, và món tự chọn.
- Biết sắp xếp và phối hợp với bộ phận bếp để chuẩn bị đặt, mua và kiểm tra nguyên liệu thực.
- Biết phối hợp với bộ phận phục vụ để tiếp nhận đặt hàng (order), chế biến bánh và các món tráng miệng và phục vụ theo đúng tiêu chuẩn tại nơi làm việc.
- Sẵn sàng thực hiện đúng theo các qui trình và đáp ứng được theo các tiêu chuẩn trong môi trường học tập và tại nơi làm việc.

Nghiệp vụ bếp bánh

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, kết quả giúp cho người học:

- Vận dụng kiến thức về thực phẩm, dinh dưỡng và các thuật ngữ bánh và các món tráng miệng để thiết kế và xây dựng thực đơn.
- Thực hiện các qui trình chọn lựa, bảo quản, sơ chế và chế biến các loại bánh và các món tráng miệng, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh nhà bếp và vệ sinh cá nhân trong môi trường làm việc tại bếp bánh.
- Sử dụng thành thạo kỹ năng phối hợp làm việc nhóm trong học tập và thực tế.
- Nắm vững kỹ thuật chế biến và phục vụ các món bánh và các món tráng miệng.
- Thành thạo nấu món bánh và các món tráng miệng, phục vụ điểm tâm, và món tự chọn.
- Biết sắp xếp và phối hợp với bộ phận bếp để chuẩn bị đặt, mua và kiểm tra nguyên liệu làm bánh và các món tráng miệng.
- Biết phối hợp với bộ phận phục vụ để tiếp nhận đặt hàng (order), chế biến món ăn và phục vụ theo đúng tiêu chuẩn tại nơi làm việc.
- Sẵn sàng thực hiện đúng theo các qui trình và đáp ứng được theo các tiêu chuẩn trong môi trường học tập và tại nơi làm việc.

Quản trị dự án du lịch

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, kết quả giúp cho người học:

- Giải thích các khái niệm thời gian, chi phí, nguồn lực và rủi ro trong quản lý dự án.
- Thảo luận về tiến độ và tính hiệu quả của dự án.
- Phân tích thời gian và hiệu quả của dự án.
- Thẩm định các chỉ số đo lường hiệu suất của dự án.
- Đề ra lộ trình phát triển cho dự án.
- Liên kết các nguồn lực cho sự thành công của dự án.
- Giải quyết các vấn đề đối diện trong học tập, cuộc sống và công việc hiệu quả theo nguồn lực và thời gian hiện có.

Phát triển du lịch bền vững

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Giải thích ý nghĩa, tác động và hạn chế của ngành công nghiệp du lịch.
- Mô tả đặc điểm, nguyên tắc, mục tiêu của du lịch bền vững, lợi ích và nhu cầu của du lịch bền vững
- Trình bày quan điểm 3D về du lịch bền vững.

- Tổng hợp các chiến lược cho việc phát triển du lịch bền vững và các ngành dịch vụ với phương pháp tiếp cận xanh
- Lập nên chiến lược hành động để phát triển du lịch bền vững tại một địa phương cụ thể.
- Luôn có ý thức trong học tập; giữ gìn và nhắc nhở mọi người xung quanh cùng giữ gìn vệ sinh môi trường sống.

Kỹ năng thuyết trình

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Mô tả được kiến thức tổng quát của đề tài thuyết trình liên quan đến du lịch.
- Xây dựng qui trình và kịch bản cho bài thuyết trình phối hợp nguồn nhân lực thực hiện bài thuyết trình.
- Sử dụng thành thạo kỹ năng giao tiếp, tư duy phản biện và công cụ hỗ trợ khi thuyết trình.
- Thể hiện ý thức trách nhiệm đối với công việc được phân công và làm việc nhóm, có thái độ học tập nghiêm túc.

Kỹ năng tư duy phản biện

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Phân biệt các hình thức của tư duy và các vấn đề logic căn bản. Vận dụng các kiến thức về tư duy phản biện ở các khía cạnh và góc độ khác nhau của các vấn đề về tri thức, khoa học xã hội, pháp luật, văn hóa, nghệ thuật, kinh tế, đạo đức, chính trị để hình thành nhân sinh quan tích cực trong cuộc sống và công việc.
- Bình luận và xây dựng các lập luận quy nạp và suy diễn trong các hình thức nói, viết và sử dụng ngôn từ chính xác, lập luận vững chắc, trình tự mạch lạc, dẫn chứng xác thực.
- Đánh giá và lập luận để biện minh cho cách nhìn và giải quyết vấn đề dựa trên những kiến thức, thông tin và quan điểm đa chiều đã được tham khảo, tổng hợp và chọn lọc.
- Duy trì thái độ học tập tự giác và độc lập khi đưa quyết định. Có ý thức bảo vệ tài sản, giá trị của bản thân và của những người khác.

Kỹ năng đàm phán

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về đàm phán, trình bày những phương pháp đàm phán.
- Xác định quy trình đàm phán cho từng trường hợp cụ thể.
- Phân tích tâm lý trong giao dịch đàm phán, lý giải các nguyên tắc giao tiếp trong đàm

phán, xử lý tình huống trong đàm phán.

- Thiết lập những nguyên tắc dẫn đến thành công trong đàm phán.
- Tổ chức thực hiện giao dịch, đàm phàn với đối tác.
- Thể hiện trách nhiệm trong tiếp thu kiến thức và việc được phân công trong nhóm đàm phán.

Kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Nhận định được tầm quan trọng của tổ chức công việc cho bộ phận và cá nhân.
- Xây dựng nhóm để làm việc hiệu quả
- Đề ra kế hoạch của nhóm và tổ chức công việc.
- Liên kết các công cụ hỗ trợ để tổ chức công việc cá nhân, bộ phận và làm việc nhóm hiệu quả.
- Quan tâm đến các thành viên trong nhóm
- Nhiệt tình giúp đở thành viên gặp khó khăn trong nhóm để cùng nhau hoàn thành mục tiêu của nhóm.

Kỹ năng quản lý thời gian

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Giải thích tầm quan trọng của quản lý thời gian
- Nhận diện thói quen gây ra lãng phí thời gian
- Áp dụng các công cụ hỗ trợ để sử dụng thời gian hiệu quả
- Thiết lập mục tiêu dài hạn theo kế hoạch thời gian một cách hợp lý khoa học
- Sửa đổi thói quen trì hoãn công việc của bản thân
- Thể hiện sự chủ động về thời gian một cách có trách nhiệm trong công việc của bản thân và mọi người.

Sulyna concept

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, kết quả giúp cho người học:

- Lên ý tưởng và thiết lập được qui trình, kịch bản vận hành cho mô hình kinh doanh ẩm thực cụ thể.
- Sắp xếp và phân nhiệm cho từng vị trí làm việc trong một mô hình kinh doanh ẩm thực cụ thể.
- Phân tích & đánh giá hiệu suất làm việc của cá nhân/đội nhóm.
- Thiết lập các tiêu chuẩn cho công việc.
- Đánh giá hoạt động qua các chỉ số P&L.

- Định chuẩn thực hiện công việc chuyên môn được phân công.
- Kiểm nghiệm kỹ năng và nghiệp vụ của bản thân.
- Hợp tác, phối hợp giữa cá nhân/nhóm làm việc với nhau.
- Thái độ tự chủ, ý thức đúng đắn, nghiêm túc trong học tập và công việc.

Chuyên đề thực tế 1

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, kết quả giúp cho người học:

- Khám phá được hướng đi/đối tượng của chuyên đề.
- Xây dựng lịch trình tiếp cận quan sát, thu thập, lưu trữ để phân tích và đánh giá về chủ đề/đối tượng của chuyên đề.
- Thiết kế qui trình/công cụ để tiếp cận chủ đề/đối tượng.
- Thiết lập các phương pháp và công cụ phân tích, đánh giá dữ liệu cho bài báo cáo của chuyên đề.
- Tổ chức thực hiện chuyên đề theo đúng kế hoạch đã đề xuất với người hướng dẫn.

Chuyên đề thực tế 2

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, kết quả giúp cho người học:

- Khám phá được hướng đi/đối tượng của chuyên đề.
- Xây dựng lịch trình tiếp cận quan sát, thu thập, lưu trữ để phân tích và đánh giá về chủ đề/đối tượng của chuyên đề.
- Thiết kế qui trình/công cụ để tiếp cận chủ đề/đối tượng.
- Thiết lập các phương pháp và công cụ phân tích, đánh giá dữ liệu cho bài báo cáo của chuyên đề.
- Tổ chức thực hiện chuyên đề theo đúng kế hoạch đã đề xuất với người hướng dẫn.

Lễ tân ngoại giao

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Khai thác các đặc điểm, tính chất và nguyên tắc của lễ tân ngoại giao trong môi trường làm việc trong khách sạn.
- Vận dụng các nguyên tắc miễn trừ của lễ tân ngoại giao trong bối cảnh cụ thể.
- Tùy chỉnh các nguyên tắc qui chuẩn về ngôi thứ trong khi bố trí vị trí các đối tượng trong các bối cảnh cụ thể.
- Phát triển các qui tắc, nghi lễ đón tiếp ngoại giao trong một bối cảnh cụ thể.
- Tổ chức triển khai một qui trình tiệc lễ tân ngoại giao trong môi trường làm việc cụ thể.
- Hòa hợp để thể hiện sự tôn trọng, hiếu khách nhưng bảo vệ hình ảnh, vị thế của bản

thân và đất nước trong công việc và cuộc sống.

Quản trị chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Hiểu rõ vấn đề và cơ hội của ngành này thông qua việc phân tích các cơ sở lý thuyết và thực tế trong các công ty du lịch.
- Hiểu được vai trò của công nghệ thông tin trong chuỗi cung ứng và ứng dụng hiệu quả phát triển doanh nghiệp.
- Đánh giá và thảo luận về vai trò của chuỗi cung ứng trong ngành du lịch.
- Đánh giá vai trò của công nghệ trong quản lý chuỗi cung ứng có thể giúp phát triển dịch vụ chăm sóc khách hàng và tạo sự khác biệt của doanh nghiệp trong thị trường trong nước và quốc tế.
- Làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả và Tuân thủ các quy định pháp luật và các giá trị đạo đức kinh doanh trong hoạt động kinh doanh.
- Khả năng chịu được áp lực trong công việc; trung thực; có tính kỷ luật trong môi trường học tập và làm việc; có ý thức tự học suốt đời.

Khóa luận tốt nghiệp

Học phần thuộc khối kiến thức tốt nghiệp, giúp cho người học:

- Lập và tổ chức thực hiện kế hoạch nghiên cứu để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp.
- Liên kết các kỹ năng nghề nghiệp để xác định phương pháp tiếp cận phù hợp để giải quyết vấn đề, mục tiêu của khóa luận.
- Triển khai thực hiện hoàn thành bài khóa luận.
- Trình bày và phản biện bài thu hoạch trước hội đồng.
- Hành động dựa trên các cơ sở/minh chứng khoa học.

Internship

Học phần thuộc khối kiến thức thực tập tốt nghiệp, kết quả giúp cho người học:

- Đối chiếu lý thuyết các học phần chuyên ngành vào thực tế khi đi phục vụ tại bộ phận F&B trong khách sạn/resort, nhà hàng và bộ phận RD gồm nghiệp vụ lễ tân (FO)/nghiệp vụ buồng phòng (HK) trong cơ sở lưu trú/khách sạn.
- Nghiên cứu quy trình của nhân viên phục vụ từ lúc chuẩn bị phục vụ cho đến khi tiễn khách.
- Phân tích cách giải quyết tình huống của nhân viên phục vụ chính thức để tích lũy kinh nghiệm.
- Đóng vai nhân viên phục vụ chính thức khi được giao việc và xử lý tình huống theo yêu cầu thực tế.

- Thể hiện tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Có ý thức về đạo đức nghề nghiệp và ý thức phục vụ du lịch bền vững.

Đề án kinh doanh

Học phần thuộc khối kiến thức tốt nghiệp, giúp cho người học:

- Khai thác tính liên ngành trong việc tìm kiếm ý tưởng/nhận diện các cơ hội kinh doanh du lịch.
- Phân tích các cơ hội/các giải pháp trong một bối cảnh cụ thể.
- Đánh giá tính khả thi các cơ hội/các giải pháp trong một bối cảnh cụ thể.
- Hoạch định các kế hoạch hành động nhằm tiến tới các mục tiêu của dự án.
- Thuyết trình & bảo vệ dự án trước hội đồng thẩm định.
- Phối hợp năng lực và nguồn lực (nội tại/ngoại vi) để vươn tới các mục tiêu trong học tập, công việc và cuộc sống.

Quản lý khách sạn vừa & nhỏ

Học phần thuộc khối kiến thức tốt nghiệp, giúp cho người học:

- Hiểu những kiến thức cơ bản về kinh doanh khách sạn, đặc biệt kinh doanh khách sạn vừa & nhỏ; và kiến thức quản lý doanh nghiệp vừa & nhỏ.
- Hiểu về các chỉ tiêu, yếu tố đánh giá hoạt động kinh doanh trong khách sạn vừa & nhỏ.
- Hiểu được các công việc cần phải quản lý, công việc quan trọng trong việc trong các bộ phận FOH và BOH.
- Thực hiện các công việc quản lý tại bộ phận FO, FB, HK.
- Thực hiện được công việc tính toán các doanh thu cần thiết cho kinh doanh khách sạn.
- Thích ứng với áp lực kinh doanh khách sạn trong thời gian hiện tại và tương lai.
- Có khả năng quản lý, phân tích và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hoạt động các bộ phận chính trong bộ phận khách sạn.
- Trách nhiệm về giải quyết áp lực doanh thu, nhưng vẫn thỏa mãn quy định pháp luật và phát triển được đội ngũ nhân lực trong từng bộ phận của khách sạn.

Đạo đức kinh doanh

Học phần thuộc khối kiến thức tốt nghiệp, giúp cho người học:

- Hiểu những kiến thức, khái niệm nền tảng về đạo đức knh doanh.
- Hiểu về tầm quan trọng, vai trò đạo đức trong kinh doanh và trong cuộc sống.
- Có kỹ năng phân tích, nhận xét và phản biện các vấn đề về đạo đức xảy ra.
- Có kỹ năng nhận dạng các vấn đề về đạo đức trong các lĩnh vực về quản trị nguồn

nhân lực, marketing, quảng cáo, tài chính và kế toán, trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường và sở hữu trí tuệ.

- Có kỹ năng ra quyết định đúng và giải quyết những vấn đề về đạo đức trong kinh doanh trên thực tế công việc. Người học biết tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của mình liên quan đến kinh doanh và đạo đức và có những biện pháp hoàn thiện qua việc tìm hiểu và học tập.
- Sau khi hoàn thành khóa học người học có khả năng làm việc với kiến thức cơ bản về đạo đức kinh doanh, và nhận biết được vị thế quan trọng của đạo đức doanh nghiệp trên thị trường sự cạnh tranh và phát triển trong quá trình kinh doanh.

3. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ kỳ tuyển sinh 2021 cho sinh viên ngành Quản trị Khách sạn.

Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những mô đun tự chọn, tùy thuộc vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, khoa sẽ tư vấn cho sinh viên lựa chọn những học phần thích hợp.

Trưởng khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời, thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết các học phần, kinh phí cho thực hành, thực tập và tăng cường trang thiết bị, máy móc, thiết bị thí nghiệm cho mỗi mô đun và toàn bộ khóa học, trưởng các bộ phận liên quan sẽ phải kiểm tra, đánh giá và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật mỗi 2-3 năm, khi có bất kỳ sự cần thiết phải cập nhật để đáp ứng các mục tiêu và tiêu chuẩn mới. Khoa sẽ nộp bản báo cáo cho trường để xem xét và giải quyết theo quy định hiện hành./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG